

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-CP

*Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển  
kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 69/2018/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2018 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; số 70/2018/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2018 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019,

**QUYẾT NGHỊ:**

**I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2019, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ  
TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ**

1. Năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, toàn diện; hoàn thành toàn bộ 12 chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có 9 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, chỉ số lạm phát (CPI) được kiểm soát ở mức 3,54%. Tăng trưởng GDP đạt 7,08% vượt chỉ tiêu 6,7%; quy mô nền kinh tế tăng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của toàn dân được nâng cao. Ba đột phá chiến lược đạt kết quả thực chất hơn; cơ cấu lại nền kinh tế có chuyển biến rõ nét. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng đạt nhiều kết quả quan trọng. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên. Kết quả này tạo không khí phấn khởi trong toàn xã hội, củng cố niềm tin và khát vọng của nhân dân.

2. Năm 2019 là năm bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 và kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh những thuận lợi còn không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược, thương mại giữa các nước lớn ngày càng căng thẳng; thị trường tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế diễn biến khó lường. Thách thức an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến nhiều cơ hội và thách thức, tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện. Tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế; năng suất lao động còn thấp; tính tự chủ của nền kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới. Áp lực ngày càng tăng từ việc thực hiện các cam kết quốc tế.

3. Mục tiêu tổng quát kế hoạch năm 2019 là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo chuyển biến thực chất hơn trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng phát triển y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

4. Năm 2019, Chính phủ phấn đấu hoàn thành toàn diện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra (chi tiết tại Phụ lục I); chủ động xây dựng kịch bản tăng trưởng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục II).

5. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Chính phủ xác định phương châm hành động của năm là **"Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả"** với 4 trọng tâm chỉ đạo điều hành là:

5.1. Nâng cao năng lực nội tại, khả năng chống chịu của nền kinh tế. Củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô; duy trì và khơi thông các động lực tăng trưởng; nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Quyết liệt thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; phát huy có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

5.2. Xây dựng bộ máy kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi pháp luật. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ, tạo động lực và áp lực trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Chú trọng cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy biên chế tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động tư pháp.

5.3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình và ổn định để phát triển và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

5.4. Chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Tập trung tổng kết và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019**

### **1. Cùng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế**

1.1. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, nhất quán mục tiêu xuyên suốt là duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tiếp tục điều hành lãi suất, tỷ giá linh hoạt, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và yêu cầu quản lý. Giữ ổn định thị trường ngoại tệ, thị trường vàng. Tăng trưởng tín dụng đi đôi với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực sản xuất, nhất là các lĩnh vực ưu tiên; có giải pháp tín dụng phù hợp đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân, góp phần hạn chế tín dụng đen. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng trong các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro và việc huy động, cho vay bằng ngoại tệ; cùng cố dự trữ ngoại hối nhà nước. Thực hiện hiệu quả các biện pháp bình ổn giá cả, thị trường; điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý theo lộ trình và liều lượng phù hợp. Phân đầu GDP năm 2019 tăng khoảng 6,8%, kiểm soát tốc độ tăng CPI dưới 4%.

1.2. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN). Siết chặt kỷ luật tài chính - NSNN; tăng cường thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Triển khai hiệu quả Luật Quản lý và sử dụng tài sản công. Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay. Phân đầu đến cuối năm 2019, dư nợ công khoảng 61,3% GDP, nợ Chính phủ khoảng 52,2% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia dưới 49% GDP.

1.3. Cơ cấu lại các khoản thu, mở rộng cơ sở thuế. Mở rộng áp dụng hóa đơn điện tử, cơ bản hoàn thành trong năm 2019 ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn; chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5%. Phân đầu tăng thu ngân sách khoảng 5% so với dự toán và tỷ lệ động viên ở mức 23,5% GDP. Điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao; phân đầu nâng tỷ trọng chi đầu tư phát triển lên 27% - 27,5%, giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống 63% - 63,5% tổng chi NSNN. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài... Cân đối nguồn lực để thực hiện đúng lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết Trung ương. Kiểm soát bội chi NSNN năm 2019 ở mức không quá 3,6% GDP. Triển khai thực hiện cam kết quốc tế, sửa 71 Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần, chống xói mòn nguồn thu.

1.4. Xây dựng, trình Bộ Chính trị Đề án và thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển bứt phá thị trường trong nước; nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tạo thuận lợi thương mại kết hợp

với tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại,... xử lý nghiêm vi phạm. Tăng cường quảng bá, khuyến khích tiêu dùng sản phẩm nội địa. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kiểm tra chuyên ngành, đồng thời kiểm soát hiệu quả hàng hóa, thiết bị nhập khẩu. Bảo đảm cân đối xuất, nhập khẩu; phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 8 - 10%, kiểm soát nhập siêu dưới 2%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng khoảng 12%.

1.5. Bám sát diễn biến tình hình, điều hành hiệu quả để bảo đảm các cân đối lớn, nhất là về đầu tư, lương thực, năng lượng..., kiên quyết không để xảy ra tình trạng thiếu điện cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

1.6. Củng cố hệ thống thông tin, báo cáo; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, phục vụ quản lý, điều hành; tổ chức tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, triển khai Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát; kịp thời ứng phó có hiệu quả các biến động trên thị trường thế giới, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ, thương mại.

## **2. Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng**

### **2.1. Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược.**

- Tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao. Sớm xây dựng, trình Quốc hội Đề án nội luật hóa các cam kết hội nhập quốc tế trong các Hiệp định. Đẩy mạnh phát triển các thị trường tài chính, chứng khoán, lao động, bất động sản và khoa học công nghệ. Triển khai Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán, bảo hiểm; cơ cấu lại tổ chức các sở giao dịch chứng khoán; đẩy mạnh phát triển thị trường phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm mới. Hoàn thiện thể chế, khuyến khích phát triển đa dạng các dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xếp hạng tín nhiệm... và các loại hình dịch vụ giá trị gia tăng cao như nghệ thuật, vui chơi, giải trí. Phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu; triển khai thực hiện chính sách việc làm công, hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; mở rộng thị trường lao động ngoài nước; bảo đảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Hoàn thiện thể chế, phát triển thị trường bất động sản minh bạch và lành mạnh, khuyến khích phát triển thị trường nhà ở cho thuê. Phấn đấu diện tích bình quân nhà ở toàn quốc là 24,5 m<sup>2</sup> sàn/người. Phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học công nghệ và thị trường khoa học công nghệ, đẩy mạnh bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Khởi thông nguồn lực, thu hút mạnh nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng. Giải quyết dứt điểm các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông, điện, năng lượng, như dự án đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa

cao...; hoàn thiện công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Phát huy vai trò động lực phát triển của các đô thị, thúc đẩy mạnh mẽ đô thị hóa theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; khắc phục tình trạng ách tắc giao thông, ngập úng tại các đô thị lớn, đô thị ven biển. Thực hiện thí điểm các mô hình phát triển đô thị như đô thị thông minh, đô thị xanh... Phân đầu tỷ lệ đô thị hóa đạt 39,2%; khoảng 88% người dân đô thị được cung cấp nước sạch và 87% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý. Phát triển bùng nổ hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng, mạng di động 5G.

- Gắn kết chặt chẽ phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển. Triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra; đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp học sinh; có giải pháp tập hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ lao động đã làm việc ở nước ngoài trở về nước. Chuẩn bị xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường đại học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Phân đầu đến cuối năm 2019 có 60% - 62% lao động được đào tạo, trong đó 24% - 24,5% lao động được đào tạo từ 3 tháng trở lên, có văn bằng, chứng chỉ. Tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược thời kỳ 2011 - 2020 và Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020.

2.2. Tập trung triển khai thực hiện Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung các luật có quy định liên quan đến quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Khẩn trương triển khai xây dựng các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030. Đẩy mạnh phát triển vùng và liên kết kinh tế vùng, vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm kinh tế, thành phố lớn.

2.3. Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; khơi thông thể chế để tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội; xây dựng dự án Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Bổ sung, hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực. Rà soát các chương trình mục tiêu để bãi bỏ các nội dung chồng chéo, kém hiệu quả. Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; công khai kết quả thực hiện. Tăng cường đặt hàng dịch vụ công; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch, phân đầu đưa tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu. Thu hút chọn lọc, có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài trong tình hình mới, ưu tiên dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, tiềm năng đóng góp, lan tỏa, chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Phân đầu tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 34% GDP.

2.4. Đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công khai doanh nghiệp đã cổ phần hóa, đủ điều kiện nhưng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và xem xét trách nhiệm người đứng đầu. Phát huy vai trò của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tập trung vốn, hợp vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước đầu tư có hiệu quả (theo cơ chế thị trường) vào các công trình lớn, trọng điểm quốc gia, có yếu tố đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8 ban hành Nghị quyết về quản lý và sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.5. Quyết liệt thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020; có giải pháp để tăng vốn cho các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước chiếm cổ phần chi phối. Phấn đấu đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2% và tỷ lệ nợ xấu và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (gồm nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC hiện chưa xử lý được và các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu) dưới 5%. Tạo chuyển biến căn bản về quản trị ngân hàng, hiệu quả và an toàn hoạt động. Tập trung xử lý có hiệu quả các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu theo nguyên tắc thị trường, không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tiền tệ. Thúc đẩy áp dụng Chuẩn mực an toàn Basel II. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện thí điểm các mô hình thanh toán mới, các doanh nghiệp công nghệ tài chính (fintech), nghiên cứu việc nạp tiền vào ví điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng và áp dụng công nghệ mới, giải pháp đổi mới sáng tạo vào lĩnh vực ngân hàng.

2.6. Quyết liệt đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khuyến khích chuyển giao công nghệ, chuyển đổi lên công nghệ cao hơn, tiến tới nghiên cứu, phát triển công nghệ mới; xây dựng hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp sáng tạo; đảm bảo vận hành thành công các trung tâm với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với khu vực và quốc tế. Thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

2.7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu lại các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo. Phát huy các nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ. Hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới phù hợp với xu hướng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hỗ trợ, tạo sự liên kết với cộng đồng khởi nghiệp trong khu vực và quốc tế, đưa khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp trở thành một đột phá cho đổi mới mô hình tăng

trường. Triển khai hiệu quả Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa". Phát triển kinh tế số; xây dựng Đề án chuyển đổi số quốc gia, từng bước tạo môi trường pháp lý để triển khai kế hoạch chuyển đổi số; thay đổi mô hình quản trị, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, môi trường, đô thị thông minh,...

2.8. Thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm Việt Nam.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản; phát triển chuỗi từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu phù hợp với điều kiện vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng; coi phát triển nông nghiệp hiệu quả cao là trọng tâm, ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và phát triển thị trường là khâu đột phá. Nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường cho sản phẩm từ khu vực nông thôn, thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế. Phân đầu tăng trưởng nông nghiệp đạt khoảng 3%, xuất khẩu đạt 42 - 43 tỷ USD; có 50% số xã và ít nhất 70 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, cơ bản không còn xã dưới 5 tiêu chí, mỗi tỉnh có 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành sớm mục tiêu kế hoạch 5 năm trong năm 2019; đẩy mạnh triển khai Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP); Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; triển khai Đề án xây dựng nông thôn mới cấp thôn bản, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng, triển khai Đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; xử lý dứt điểm và chấm dứt tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp; hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tập trung xử lý các dự án, doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ. Đẩy nhanh tiến độ, đưa vào vận hành các dự án công nghiệp trọng điểm. Khuyến khích đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo, phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông... Triển khai hiệu quả Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông. Phân đầu tăng trưởng của khu vực công nghiệp, xây dựng đạt 8,57%.

- Chú trọng phát triển các dịch vụ tích hợp, ứng dụng công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao. Khẩn trương hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý hiệu quả các hoạt động dịch vụ mới như casino, cá cược... Xây dựng, triển khai phương án tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ và giải pháp toàn diện cho thương mại điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, nhất là vận tải xuyên biên giới. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch; đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu; mở rộng áp dụng thị thực điện tử; quản lý chặt chẽ chất lượng kinh doanh dịch vụ du lịch, nhất là hoạt động lữ hành, lưu trú. Phân đầu khu vực dịch vụ tăng trưởng 6,83 - 7,2%; lĩnh vực du lịch thu hút được khoảng 18 triệu lượt khách quốc tế.

2.9. Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết của Chính phủ. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp công nghệ, nhất là doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông. Đánh giá đúng thực trạng và có giải pháp giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động từ 30% - 50%. Phát triển mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Phần đầu có 140 nghìn doanh nghiệp thành lập mới.

### **3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân**

3.1. Trình Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi người có công. Tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm. Hoàn thiện chính sách giảm nghèo, khuyến khích người nghèo, cận nghèo tích cực, chủ động tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời ngăn chặn, xử lý nghiêm việc trục lợi chính sách. Ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững. Phần đầu giảm 1% - 1,5% số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; riêng các huyện nghèo giảm 4%.

Tổng kết, nghiên cứu tích hợp hệ thống chính sách hiện hành cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi; tập trung chỉ đạo và bảo đảm nguồn lực, khắc phục phân tán, chồng chéo, kém hiệu quả; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan và thu gọn đầu mối quản lý. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số, miền núi bảo đảm khách quan, khoa học, hợp lý. Chú trọng phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân và các thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu công nghiệp.

Tích cực triển khai Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, tiền lương. Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương về một số vấn đề về chính sách xã hội. Phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, bền vững, không bao cấp tràn lan. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ.

3.2. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số. Chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khỏe, đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật, nhất là các bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường... Nâng cao hiệu quả hoạt động y tế cơ sở. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, mở rộng thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, giảm quá tải bệnh viện, tăng sự hài lòng của người dân. Thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; tăng cường cơ chế tự chủ của đơn

vị sự nghiệp công lập; thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển. Đổi mới trong đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề y dược. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, quỹ bảo hiểm y tế; hoàn thành việc kết nối 100% các cơ sở cung ứng, phân phối thuốc. Mở rộng phạm vi, danh mục đấu thầu tập trung thuốc, thiết bị và vật tư y tế. Phát triển công nghiệp dược, y học cổ truyền. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm vi phạm. Tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Phân đầu đạt 27 giường bệnh/1 vạn dân và bao phủ bảo hiểm y tế đạt 88,1%.

3.3. Triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, bất cập, không để độc quyền, lãng phí trong in, phát hành, sử dụng sách giáo khoa. Tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, an toàn, chất lượng. Tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng xây dựng văn hóa học đường, trang bị kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương. Tiếp tục xử lý căn cơ vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách. Có cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất. Phân đầu năm học 2019 - 2020 có 92,6% học sinh cấp trung học cơ sở và 74,4% học sinh cấp trung học phổ thông đi học đúng độ tuổi.

3.4. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư tôn tạo di tích, di sản. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá; thực hiện tốt Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; từng bước cải thiện, nâng cao giá trị đạo đức xã hội. Quản lý hiệu quả hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng để chống phá chế độ. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục xây dựng và gìn giữ văn hóa trong nhân dân. Xây dựng và tổ chức hiệu quả Đề án 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp; chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở. Duy trì thành tích, phấn đấu nâng cao thứ hạng của thể thao Việt Nam ở khu vực và châu lục.

3.5. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực gia đình, học đường, bệnh viện, xâm hại trẻ em,... Tăng cường vệ sinh trong khuôn viên bệnh viện, trường học, khu du lịch và các không gian công cộng.

#### **4. Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

4.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản,... Xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai; khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất giữa quy định của pháp luật về đất đai với quy định pháp luật khác. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là đất lúa, đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Rà soát, chuyển đổi linh hoạt, có hiệu quả cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Thực hiện nghiêm việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai ở các công ty nông, lâm nghiệp. Bảo vệ, phát triển rừng bền vững, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 41,85%. Khôi phục hệ thống rừng phòng hộ, ngập mặn ven biển, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4.2. Quản lý hiệu quả tài nguyên khoáng sản, ngăn chặn và xử lý nghiêm vi phạm trong khai thác khoáng sản, trong đó có đá, cát, sỏi,... Rà soát, phân cấp quản lý phù hợp và thực hiện nghiêm quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

4.3. Tăng cường điều phối, giám sát, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Hợp tác chặt chẽ trong chia sẻ nguồn nước xuyên biên giới và quản lý tài nguyên, môi trường biển. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. Tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển, kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa ô nhiễm, nhất là rác thải nhựa. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

4.4. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Sửa đổi các quy định bất cập và cải tiến công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường. Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; kiểm soát chặt chẽ nguồn xả thải; tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn, nhân rộng mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và cam kết COP-21, P4G. Kiểm soát chặt chẽ môi trường tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề và việc nhập khẩu phế liệu. Phân đầu đến cuối năm 2019 có 89% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

4.5. Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, đặc biệt là hiện tượng El Niño gây hạn hán, xâm nhập mặn; nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai. Triển khai hiệu quả, kịp thời các giải pháp phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai, nhất là vùng miền núi phía Bắc, ven biển miền Trung, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời, ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, ổn định đời sống dân cư. Phòng, chống sạt lở bờ sông, suối, ven biển, kè sông, kè suối biên giới ở những vị trí xung yếu.

**5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

5.1. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

5.2. Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm các vi phạm. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ án tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản bị thất thoát; kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực.

**6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp**

6.1. Bám sát tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, đổi mới phương thức, lề lối làm việc (tăng tối thiểu 20% số lượng cuộc họp theo hình thức trực tuyến; cắt giảm 20% chế độ báo cáo định kỳ). Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý và các tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm gắn với chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp.

6.2. Tích cực triển khai Nghị quyết số 19/NQ-TW, hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện khung khổ pháp lý chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, cơ chế tài chính đặc thù đối với cơ quan, đơn vị trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

6.3. Đơn giản hóa, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng. Không để phát sinh điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành không

cần thiết. Không lồng ghép, bổ sung các điều kiện kinh doanh mới vào các văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Lựa chọn thủ tục hành chính đáp ứng đủ điều kiện để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bảo đảm thực hiện được mục tiêu Quốc hội giao. Thực hiện triệt để thuê dịch vụ thanh toán các khoản bảo hiểm xã hội.

6.4. Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính.

6.5. Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng các dự án luật về tổ chức bộ máy nhà nước, cán bộ, công chức, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết.

6.6. Đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp, giám định tư pháp; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp. Hoàn thiện thể chế, tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, nhất là các vụ việc trọng điểm, thu hồi nợ của tổ chức tín dụng; thực hiện nghiêm pháp luật về tổ tụng hành chính.

6.7. Nâng cao Chỉ số về Chính phủ điện tử với ba nhóm chỉ số thành phần về dịch vụ công trực tuyến, hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực. Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gắn với việc tổ chức thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020.

## **7. Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển**

7.1. Giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh chính trị; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

7.2. Đẩy mạnh đối ngoại, duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, lợi ích quốc gia và hoạt động kinh tế biển; hợp tác tìm giải pháp ổn định, lâu dài, cùng có lợi trên cơ sở luật pháp quốc tế và tôn trọng lợi ích chính đáng của các quốc gia. Kiên trì giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

7.3. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, an ninh mạng, các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn, hội nghị, các mục tiêu trọng điểm về an ninh quốc gia.

7.4. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, hoạt động theo kiểu "xã hội đen", tội phạm hình sự liên quan "tín dụng đen"; tội phạm ma túy, cướp giật, công nghệ cao,... bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; quản lý chặt chẽ dịch vụ đòi nợ thuê; bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân.

7.5. Tăng cường các cơ chế hợp tác, nhất là với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Chủ động triển khai có hiệu quả, thực chất các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

7.6. Chủ động hội nhập quốc tế, chú trọng công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương. Tăng cường vận động các nước ủng hộ Việt Nam ứng cử là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021; chuẩn bị các điều kiện để thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN 2020. Tích cực tham gia, đóng góp có trách nhiệm và nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam trong các tổ chức, diễn đàn đa phương, như: WTO, APEC, ASEM, G20, hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Công,...

7.7. Sớm ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP; đẩy mạnh vận động sớm ký kết và phê chuẩn Hiệp định EVFTA. Tiếp tục vận động các nước sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam.

7.8. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong công tác bảo hộ công dân. Chủ động phòng ngừa, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế.

## **8. Đẩy mạnh thông tin và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể**

8.1. Tập trung triển khai Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí, bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Cơ quan nhà nước chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình kinh tế - xã hội, cơ chế, chính sách mới. Các cơ quan thông tấn báo chí thông tin trung thực, khách quan, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội và khát vọng về một Việt Nam hùng cường. Khắc phục hiệu quả tình trạng đưa tin sai sự thật trên mạng để chống phá Đảng, Nhà nước. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

8.2. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật. Phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế. Tổ chức triển khai phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp và người dân nhận diện cơ hội và thách thức của Hiệp định CPTPP và các FTA song phương mà Việt Nam đã và sẽ ký kết.

8.3. Làm tốt công tác dân vận, phối hợp hiệu quả với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể quần chúng, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa đất nước ta vững bước trên con đường phát triển nhanh và bền vững, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thống nhất quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2018, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết này trong năm 2019; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết và Phụ lục kèm theo, trước ngày 20 tháng 01 năm 2019, xây dựng, ban hành các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 01 năm 2019.

1.2. Chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực, địa bàn và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; tổ chức giao ban hằng tháng/quý kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết hằng quý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ của quý.

1.5. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ năm 2020, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2019 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2019.

2. Các bộ, ngành tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan đơn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết này tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). XH 105

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**





**Phụ lục I**  
**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ)*

Đơn vị: %

| TT | Chỉ tiêu                                                                                                                       | Ước thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 Quốc hội giao | Mục tiêu phấn đấu năm 2019 của Chính phủ |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|
|    | <b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>                                                                                                   |                        |                                 |                                          |
| 1  | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)                                                                                     | 7,08                   | 6,6 - 6,8                       | Khoảng 6,8                               |
| 2  | Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân (CPI)                                                                                      | 3,54                   | Khoảng 4                        | Dưới 4%                                  |
| 3  | Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so GDP                                                                                  | 33,5                   | 33 - 34                         | 34                                       |
| 4  | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường             | 88                     | 89                              | 89                                       |
|    | <b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                                                                                  |                        |                                 |                                          |
| 5  | Tỷ lệ che phủ rừng                                                                                                             | 41,65                  | 41,85                           | 41,85                                    |
|    | <b>Bộ Công Thương</b>                                                                                                          |                        |                                 |                                          |
| 6  | Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu                                                                                           | 13,8                   | 7 - 8                           | 8 - 10                                   |
| 7  | Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu                                                                                | Xuất siêu 2,95%        | Dưới 3%                         | Dưới 2%                                  |
|    | <b>Bộ Y tế</b>                                                                                                                 |                        |                                 |                                          |
| 8  | Số giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)                                                                 | 26,5                   | 27                              | 27                                       |
| 9  | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                                                                                            | 87,7                   | 88,1                            | 88,1                                     |
|    | <b>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</b>                                                                                     |                        |                                 |                                          |
| 10 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều<br>- Trong đó: Giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo              | 1,35<br>5              | 1 - 1,5<br>4                    | 1 - 1,5<br>4                             |
| 11 | Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị                                                                                          | 3,1                    | Dưới 4%                         | Dưới 4%                                  |
| 12 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo<br>- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo | 58,6<br>23 - 23,5      | 60 - 62<br>24 - 24,5            | 60 - 62<br>24 - 24,5                     |





**Phụ lục II**  
**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2019 THEO GIÁ SO SÁNH 2010**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ)*

*Đơn vị tính : %*

| TT        | Ngành kinh tế                                         | Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2019 |               |               |               |               |               |               |
|-----------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
|           |                                                       | Quý I                             | Quý II        | 6 tháng       | Quý III       | 9 tháng       | Quý IV        | Cả năm        |
|           | <b>Tổng sản phẩm trong nước (GDP)</b>                 | <b>106,93</b>                     | <b>106,70</b> | <b>106,80</b> | <b>107,03</b> | <b>106,89</b> | <b>106,63</b> | <b>106,80</b> |
| <b>1</b>  | <b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>                   | <b>102,97</b>                     | <b>102,56</b> | <b>102,69</b> | <b>103,12</b> | <b>102,84</b> | <b>103,36</b> | <b>103,00</b> |
| <b>2</b>  | <b>Công nghiệp và xây dựng</b>                        | <b>108,87</b>                     | <b>108,89</b> | <b>108,88</b> | <b>109,01</b> | <b>108,93</b> | <b>107,84</b> | <b>108,57</b> |
| <i>a)</i> | <i>Riêng công nghiệp</i>                              | <i>109,31</i>                     | <i>108,91</i> | <i>109,09</i> | <i>108,85</i> | <i>109,00</i> | <i>107,20</i> | <i>108,43</i> |
|           | - Khai khoáng                                         | 98,20                             | 95,20         | 96,54         | 94,80         | 95,95         | 94,96         | 95,60         |
|           | - Chế biến, chế tạo                                   | 112,70                            | 113,05        | 112,89        | 112,20        | 112,63        | 110,86        | 112,09        |
|           | - Sản xuất và phân phối điện                          | 110,05                            | 110,20        | 110,13        | 110,40        | 110,23        | 110,44        | 110,30        |
|           | - Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải, nước thải | 108,10                            | 107,82        | 107,94        | 109,80        | 108,63        | 109,54        | 108,90        |
| <i>b)</i> | <i>Xây dựng</i>                                       | <i>106,18</i>                     | <i>108,78</i> | <i>107,73</i> | <i>109,70</i> | <i>108,56</i> | <i>110,21</i> | <i>109,20</i> |
| <b>3</b>  | <b>Dịch vụ</b>                                        | <b>106,57</b>                     | <b>106,88</b> | <b>106,74</b> | <b>106,85</b> | <b>106,78</b> | <b>106,92</b> | <b>106,83</b> |
| <b>4</b>  | <b>Thuế sản phẩm trừ Trợ cấp</b>                      | <b>106,06</b>                     | <b>106,18</b> | <b>106,12</b> | <b>106,25</b> | <b>106,17</b> | <b>105,63</b> | <b>106,00</b> |





**Phụ lục III**  
**MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI NĂM 2019**  
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ)

| STT       | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                               | Thời gian trình | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì        |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế</b>                                                                                         |                 |                     |                       |
| 1         | Các giải pháp giảm quy mô kinh tế ngầm, kinh tế không chính thức                                                                                                                           | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 2         | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công                                                         | Năm 2019        | Chính phủ           | Bộ Tài chính          |
| 3         | Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP)                                                | Năm 2019        | Chính phủ           | Bộ Tài chính          |
| 4         | Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã                                                                                                                     | Năm 2019        | Chính phủ           | Bộ Tài chính          |
| 5         | Trình Chính phủ để trình Quốc hội xem xét ban hành Nghị quyết về quản lý và sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp                                          | Năm 2019        | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Tài chính          |
| 6         | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tính khả thi của việc phát hành trái phiếu Chính phủ xanh tại thị trường trong nước                                                                         | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính          |
| 7         | Đề án "Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước"                                                                                                                   | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính          |
| 8         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế mua bán ngoại tệ                                                                                                                             | Quý II/2019     | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính          |
| 9         | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền                                  | Tháng 11/2019   | Chính phủ           | Ngân hàng Nhà nước    |
| 10        | Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia                                                                                                                                                    | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Ngân hàng Nhà nước    |
| <b>II</b> | <b>Thực hiện quyết liệt các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng</b>                                                               |                 |                     |                       |
| 11        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh và Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia | Tháng 01/2019   | Chính phủ           | Bộ Công Thương        |
| 12        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh                                                                             | Tháng 3/2019    | Chính phủ           | Bộ Công Thương        |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                           | Thời gian trình    | Cấp trình                      | Đơn vị chủ trì         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|------------------------|
| 13  | Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, xăng dầu và khí                                                        | Tháng 6/2019       | Chính phủ                      | Bộ Công Thương         |
| 14  | Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm mở rộng quyền tự chủ của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tiến tới cơ chế không có cơ quan chủ quản | Tháng 3/2019       | Chính phủ                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 15  | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học                                                                                              | Tháng 4/2019       | Chính phủ                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 16  | Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập                                                                                                                                  | Tháng 4/2019       | Chính phủ                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 17  | Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm và thành lập một số trường sư phạm trọng điểm                                                                                                                            | Tháng 7/2019       | Thủ tướng Chính phủ            | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 18  | Đề án sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường đại học, cơ sở giáo dục - đào tạo                                                                                                                                    | Tháng 8/2019       | Thủ tướng Chính phủ            | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 19  | Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia                                                                                         | Tháng 01/2019      | Chính phủ                      | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 20  | Nghị quyết của Chính phủ cụ thể hóa một số chính sách hỗ trợ quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa                                                                                                          | Tháng 3/2019       | Chính phủ                      | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 21  | Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể quốc gia                                                                                                                                                | Tháng 9/2019       | Chính phủ                      | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 22  | Nghị định hướng dẫn thực thi Điều ước quốc tế về đấu thầu                                                                                                                                                              | Tháng 11/2019      | Chính phủ                      | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 23  | Luật Đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư                                                                                                                                                                           | Năm 2019           | Chính phủ, Quốc hội            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 24  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp                                                                                                                                                 | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 25  | Báo cáo sơ kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.                                                                   | Tháng 12/2019      | Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 26  | Xây dựng giải pháp phát triển nhân lực quốc gia đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0                                                                                                                         | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 27  | Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia                                                                                                                                                                    | Tháng 3/2019       | Thủ tướng Chính phủ            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |
| 28  | Đề án về tranh chấp thương mại Mỹ Trung và ảnh hưởng tới thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                        | Tháng 3/2019       | Thủ tướng Chính phủ            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian trình     | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                         |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------|
| 29  | Báo cáo Đánh giá tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đến kinh tế Việt Nam                                                                                                                                                                                             | Tháng 5/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 30  | Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư                                                                                                                                                                                                                                         | Tháng 9/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 31  | Báo cáo về nghiên cứu giải pháp thu hút FDI trong bối cảnh hiệp định CPTPP được ký kết và đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA đối với thu hút FDI vào Việt Nam thời gian tới                                                                                                                  | Tháng 10 và 11/2019 | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 32  | Đề án Phân vùng để tổ chức lập Quy hoạch vùng                                                                                                                                                                                                                                                   | Tháng 11/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 33  | Khuyến khích, hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể chuyển đăng ký, chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp                                                                                                                                                                     | Năm 2019            | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                  |
| 34  | Nghị quyết của Chính phủ về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, định hướng đến 2025                                                                                                                                                                               | Tháng 3/2019        | Chính phủ           | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 35  | Bổ sung các quy định doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là đối tượng nhận hỗ trợ của ngân sách nhà nước, bổ sung hoạt động tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để ươm tạo công nghệ, phát triển ý tưởng, mô hình kinh doanh | Tháng 6/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 36  | Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phát huy Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, hỗ trợ và thúc đẩy tinh thần sáng tạo, hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty                                                        | Tháng 6/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 37  | Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế                                                                                                                                                              | Tháng 6/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 38  | Đề án hoàn thiện hệ thống thể chế để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp                                                                                                                                             | Tháng 9/2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 39  | Đề án phát triển Trung tâm khởi nghiệp quốc gia thống nhất, trước mắt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; xây dựng Mạng lưới kết nối khởi nghiệp quốc gia                                                                                                                             | Tháng 10/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Khoa học và Công nghệ               |
| 40  | Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi                                                                                                                                                                                                                                    | Năm 2019            | Chính phủ           | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 41  | Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                                                                                              | Năm 2019            | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                   | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------------|
| 42  | Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long              | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 43  | Đề án nâng cao năng lực quốc gia về phòng, chống thiên tai                                                                                                     | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 44  | Điều chỉnh Chiến lược phát triển chăn nuôi Việt Nam đến năm 2030                                                                                               | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 45  | Điều chỉnh Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 để phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam                                                        | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 46  | Nhiệm vụ lập Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của ngành (lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phòng chống thiên tai) theo quy định của Luật Quy hoạch         | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 47  | Rà soát Chiến lược bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2030             | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 48  | Chiến lược phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                        | Quý III/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 49  | Dự thảo Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)          | Tháng 01/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 50  | Trình Chính phủ dự thảo Nghị định về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam                               | Tháng 01/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 51  | Dự thảo Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hong Kong giai đoạn 2019 - 2022 | Tháng 3/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 52  | Dự thảo Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Cuba                                  | Tháng 3/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 53  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường trình Chính phủ trước tháng 6/2019, để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019              | Năm 2019           | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Tài chính                           |
| 54  | Luật chứng khoán (sửa đổi) trình Chính phủ trước tháng 02/2019, để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                    | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Tài chính                           |
| 55  | Đề án thí điểm mô hình nền tảng gọi vốn cộng đồng                                                                                                              | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính                           |
| 56  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ nhà nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050                        | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính                           |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                     | Thời gian trình | Cấp trình                         | Đơn vị chủ trì               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------|------------------------------|
| 57  | Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp                          | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Tài chính                 |
| 58  | Đề án áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào Việt Nam                                                                                                                                                                                             | Tháng 12/2019   | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Tài chính                 |
| 59  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2040                                                                                                                         | Tháng 12/2019   | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Tài chính                 |
| 60  | Nhiệm vụ lập Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                           | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Tài nguyên và Môi trường  |
| 61  | Đề án "Hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2020 - 2025"                                                                                                                                                          | Quý IV/2019     | Chính phủ/<br>Thủ tướng Chính phủ | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 62  | Đề án chuyển đổi số quốc gia                                                                                                                                                                                                                     | Tháng 11/2019   | Chính phủ/<br>Thủ tướng Chính phủ | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 63  | Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng                                                                                                                                                                               | Tháng 7/2019    | Chính phủ/<br>Thủ tướng Chính phủ | Bộ Xây dựng                  |
| 64  | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng | Tháng 3/2019    | Chính phủ                         | Bộ Xây dựng                  |
| 65  | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng để phù hợp với Luật Quy hoạch và Luật sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan đến quy hoạch                                               | Tháng 8/2019    | Chính phủ                         | Bộ Xây dựng                  |
| 66  | Lập nhiệm vụ quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn                                                                                                                                                                                              | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Xây dựng                  |
| 67  | Chiến lược phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                           | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Xây dựng                  |
| 68  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hệ thống đô thị gắn với khu kinh tế cửa khẩu và khu vực biên giới                                                                                                           | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Xây dựng                  |
| 69  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo an sinh xã hội"                                                                                                      | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Xây dựng                  |
| 70  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chiến lược phát triển đô thị quốc gia"                                                                                                                                                       | Tháng 11/2019   | Thủ tướng Chính phủ               | Bộ Xây dựng                  |

| STT        | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                              | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 71         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong ngành Xây dựng                                                                                                    | Tháng 11/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Xây dựng                         |
| 72         | Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050                                                                                                             | Tháng 12/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Xây dựng                         |
| 73         | Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 80/2016/NĐ-CP)                                  | Năm 2019           | Chính phủ           | Ngân hàng Nhà nước                  |
| 74         | Nghị định thay thế Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ về ban hành danh mục vốn pháp định của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài                                  | Tháng 6/2019       | Chính phủ           | Ngân hàng Nhà nước                  |
| <b>III</b> | <b>Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân</b>                                                                         |                    |                     |                                     |
| 75         | Nghị định của Chính phủ quy định về học bổng chính sách và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân                             | Tháng 9/2019       | Chính phủ           | Bộ Giáo dục và Đào tạo              |
| 76         | Nghị định quy định quản lý các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập                                                                                                                               | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Giáo dục và Đào tạo              |
| 77         | Nghị định của Chính phủ quy định về chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục mầm non, trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao                             | Tháng 11/2019      | Chính phủ           | Bộ Giáo dục và Đào tạo              |
| 78         | Bộ luật lao động (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019.                                                                                                                   | Tháng 01 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 79         | Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Công tác xã hội                                                                                                                                                         | Tháng 01/2019      | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 80         | Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp         | Tháng 01/2019      | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 81         | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007) | Tháng 3/2019       | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 82         | Nghị định của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng                                                                                                          | Tháng 5/2019       | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 83  | Nghị định của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng                                                                                                                                                                     | Tháng 5/2019       | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 84  | Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm                                                                         | Tháng 7/2019       | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 85  | Nghị định của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước                                                                                     | Tháng 9/2019       | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 86  | Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 87  | Nghị định của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động                                                                                                                                                | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 88  | Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Thay thế Nghị định số 95/2013/NĐ-CP và Nghị định số 88/2015/NĐ-CP)                        | Tháng 11/2019      | Chính phủ           | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 89  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm mới (EPS) (Thay thế Quyết định số 1465/QĐ-TTg ngày 31/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ)                                          | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 90  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em                                                                                                                                                   | Tháng 12/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội |
| 91  | Luật Thanh niên trình Chính phủ tháng 7/2019, để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8 năm 2019                                                                                                                                                                       | Tháng 7 và 10/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                           |
| 92  | Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)                                                                                                                                                                                                                             | Tháng 7/2019       | Chính phủ           | Bộ Y tế                             |
| 93  | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống HIV/AIDS                                                                                                                                                                                                | Tháng 8/2019       | Chính phủ           | Bộ Y tế                             |
| 94  | Nghị định thay thế Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế                                                                                                                                       | Tháng 9/2019       | Chính phủ           | Bộ Y tế                             |
| 95  | Đề án chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp                                                                                                                                                                                | Tháng 10/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Y tế                             |
| 96  | Chương trình phát triển y dược cổ truyền kết hợp với y học hiện đại                                                                                                                                                                                             | Tháng 11/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Y tế                             |
| 97  | Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế                                                                                                                                                                                                                     | Tháng 12/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Y tế                             |

| STT       | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian trình | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì              |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
| 98        | Xây dựng Nghị định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, tạo nguồn và phát huy đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số                                                                                                                                                                                                  | Tháng 11/2019   | Chính phủ           | Ủy ban Dân tộc              |
| 99        | Xây dựng Nghị định của Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vùng đồng bằng sông Cửu Long                                                                                                                                                                            | Tháng 12/2019   | Chính phủ           | Ủy ban Dân tộc              |
| 100       | Đề án tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ dân tộc Mông trong hệ thống chính trị cơ sở các xã địa bàn trọng yếu vùng Tây Bắc giai đoạn 2014 - 2018. Đề xuất nhiệm vụ xây dựng chính sách thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 | Tháng 4/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Ủy ban Dân tộc              |
| 101       | Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025                                                                                                                                                                                        | Tháng 8/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Ủy ban Dân tộc              |
| 102       | Đề án Bảo vệ và phát triển dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người theo hướng bảo đảm sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc                                                                                                                                                                                                 | Tháng 10/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Ủy ban Dân tộc              |
| 103       | Đề án Xây dựng bộ tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi                                                                                                                                                                                                                                                                | Tháng 8/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Ủy ban Dân tộc              |
| <b>IV</b> | <b>Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu</b>                                                                                                                                                                                                               |                 |                     |                             |
| 104       | Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Năm 2019        | Chính phủ           | Bộ Tài chính                |
| 105       | Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch cho khu dân cư                                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2019        | Chính phủ           | Bộ Tài chính                |
| 106       | Dự thảo Nghị định quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khí thải                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tháng 12/2019   | Chính phủ           | Bộ Tài chính                |
| 107       | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai                                                                                                                                               | Năm 2019        | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính                |
| 108       | Nghị định thay thế Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển                                                                                                                                                      | Tháng 5/2019    | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 109       | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn                                                                                                                                                                                | Tháng 6/2019    | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 110       | Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                                                                                                            | Tháng 6/2019    | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------|
| 111 | Nghị định quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ                                                                                                                       | Tháng 9/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 112 | Nghị định thay thế Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất                                                                                      | Tháng 9/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 113 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản          | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 114 | Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)                                                                                                                                                            | Tháng 11/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 115 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường                | Tháng 11/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 116 | Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo                                                              | Tháng 12/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 117 | Nghị quyết của Quốc hội về miễn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên nước                                                                                            | Tháng 5 và 10/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 118 | Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030                                                                                                 | Tháng 3/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 119 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật đo đạc và bản đồ                                                                                              | Tháng 3/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 120 | Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XII số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Tháng 5/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 121 | Đề án kiểm kê đất đai năm 2019                                                                                                                                                              | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 122 | Đề án tăng cường năng lực hội nhập quốc tế lĩnh vực môi trường                                                                                                                              | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 123 | Kế hoạch hành động quốc gia về rác thải nhựa đại dương đến năm 2030                                                                                                                         | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 124 | Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường                                                                                                                                                    | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                              | Thời gian trình | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
| 125 | Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học                                                                  | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 126 | Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 127 | Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia                                                             | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 128 | Quyết định về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam                                                     | Tháng 6/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 129 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố môi trường                                              | Tháng 8/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 130 | Đề án đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản vùng Trung Trung Bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội                      | Tháng 9/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 131 | Đề án tổ chức diễn đàn đối thoại chính sách Biển Việt Nam - Nhật Bản                                                      | Tháng 9/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 132 | Đề án tổng thể về mô hình công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn                                     | Tháng 9/2019    | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 133 | Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia                                                              | Tháng 10/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 134 | Đề án tổng thể tăng cường quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề                              | Tháng 11/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 135 | Đề án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia                                                                    | Tháng 11/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 136 | Kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050                              | Tháng 11/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 137 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai                                   | Tháng 11/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 138 | Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030                                           | Tháng 12/2019   | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| STT       | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                   | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                                                      |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 139       | Đề án xây dựng Trung tâm quốc tế về rác thải nhựa đại dương                                                                                                                                    | Tháng 12/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường                                         |
| 140       | Đề án cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai gắn với cơ cấu lại nông nghiệp và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong lĩnh vực nông nghiệp                          | Năm 2019           | Chính phủ           | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| <b>V</b>  | <b>Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b> |                    |                     |                                                                     |
| 141       | Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng (năm 2018)                                                                                                   | Tháng 4/2019       | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 142       | Nghị định về kiểm soát tài sản, thu nhập                                                                                                                                                       | Tháng 4/2019       | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 143       | Nghị định thay thế Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra                                                                            | Tháng 6/2019       | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 144       | Nghị định thay thế Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại                                                                   | Quý I/2019         | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 145       | Nghị định quy định chi tiết các biện pháp thi hành Luật Tố cáo                                                                                                                                 | Quý I/2019         | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 146       | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng                                                                                          | Tháng 01/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| 147       | Đề án về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập                                                                                                                        | Tháng 12/2019      | Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ                                                 |
| <b>VI</b> | <b>Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp</b>                                                 |                    |                     |                                                                     |
| 148       | Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                                                                   | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                                                           |
| 149       | Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                                                                   | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                                                           |
| 150       | Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                                                      | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                                                           |

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời gian trình    | Cấp trình           | Đơn vị chủ trì                         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|----------------------------------------|
| 151 | Luật Viên chức (sửa đổi) trình Chính phủ đề trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                                                                                                                                                                                         | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                              |
| 152 | Luật Thi đua khen thưởng (sửa đổi) trình Chính phủ đề trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8 năm 2019                                                                                                                                                                                                               | Tháng 7 và 10/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Nội vụ                              |
| 153 | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón                                                                                                                                                                                                      | Tháng 6/2019       | Chính phủ           | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 154 | Nghị định về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan                                                                                                                                                | Tháng 4/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 155 | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế                                                                                                                                                                                             | Tháng 6/2019       | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 156 | Nghị định thay thế Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP | Tháng 12/2019      | Chính phủ           | Bộ Tài chính                           |
| 157 | Đề án quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới                                                                                                                                                                                                               | Năm 2019           | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài chính                           |
| 158 | Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các địa phương, các bộ, ngành                                                                                                                                                       | Tháng 10/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường            |
| 159 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật                                                                                                                                                                  | Tháng 6/2019       | Chính phủ           | Bộ Tư pháp                             |
| 160 | Nghị định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                                                                                                                       | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Tư pháp                             |
| 161 | Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự                                                                                                                               | Tháng 10/2019      | Chính phủ           | Bộ Tư pháp                             |
| 162 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật                                                                                                                                                 | Tháng 11/2019      | Thủ tướng Chính phủ | Bộ Tư pháp                             |
| 163 | Nghị định của Chính phủ quy định về việc quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến                                                                                                                                                                       | Tháng 12/2019      | Chính phủ           | Bộ Tư pháp                             |
| 164 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                                                                                                               | Tháng 7 và 10/2019 | Chính phủ, Quốc hội | Bộ Tư pháp                             |

| STT        | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                 | Thời gian trình    | Cấp trình                     | Đơn vị chủ trì               |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|------------------------------|
| 165        | Xây dựng Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trình Thủ tướng Chính phủ tháng 5/2019                                               | Tháng 5/2019       | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Tư pháp                   |
| 166        | Quyết định thay thế Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 6/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục các đề mục trong mỗi chủ đề và phân công cơ quan thực hiện pháp điển theo các đề mục                                   | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Tư pháp                   |
| 167        | Đề án thí điểm thực hiện và cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương                                                                                                    | Quý III/2019       | Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| <b>VII</b> | <b>Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển</b>                                                                           |                    |                               |                              |
| 168        | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy | Quý IV/2019        | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 169        | Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi) trình Chính phủ                                                                                                                                                                           | Quý II/2019        | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 170        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đặc xá                                                                                                                                                            | Tháng 3/2019       | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 171        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều trong Luật An ninh mạng                                                                                                                                                | Tháng 3/2019       | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 172        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng                                                                                                                  | Tháng 3/2019       | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 173        | Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Công an nhân dân, trình Chính phủ tháng 4/2019                                                                                                                    | Tháng 4/2019       | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 174        | Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước                                                                                                                                                | Tháng 11/2019      | Chính phủ                     | Bộ Công an                   |
| 175        | Luật Xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019                                                                                                              | Tháng 02 và 5/2019 | Chính phủ, Quốc hội           | Bộ Công an                   |
| 176        | Chương trình tổng thể Tuần/Ngày Việt Nam ở nước ngoài năm 2020                                                                                                                                                               | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Ngoại giao                |
| 177        | Đề án tham dự Hội nghị Tương lai châu Á lần thứ 25 tại Nhật Bản                                                                                                                                                              | Tháng 6/2019       | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Ngoại giao                |
| 178        | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về xu hướng cải tổ, rà soát các hiệp định bảo hộ đầu tư                                                                                                                                          | Tháng 8/2019       | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Ngoại giao                |

| STT                                                                                                                                         | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian trình | Cấp trình                     | Đơn vị chủ trì               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------|
| 179                                                                                                                                         | Đề án kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Myanmar (triển khai thực hiện năm 2020); Đề án kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - New Zealand (triển khai thực hiện năm 2020); Đề án kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Indonesia (triển khai thực hiện năm 2020); Đề án kỷ niệm 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc | Tháng 12/2019   | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Ngoại giao                |
| 180                                                                                                                                         | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 36/2008/NĐ-CP để quy định cụ thể thủ tục cấp phép, công bố cơ quan có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ                                                                                                                                                                         | Tháng 12/2019   | Chính phủ                     | Bộ Quốc phòng                |
| 181                                                                                                                                         | Quyết định sửa đổi Quyết định số 04/2014/QĐ-BTP ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế                                                                                                                                                                                                                            | Tháng 9/2019    | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Tư pháp                   |
| <b>VIII Đẩy mạnh thông tin và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |                               |                              |
| 182                                                                                                                                         | Đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại nhằm nâng cao ý thức quốc gia, quốc giới và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc                                                                                                                                                                                                                                      | Quý I/2019      | Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 183                                                                                                                                         | Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Quý III/2019    | Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 184                                                                                                                                         | Nghị định thay thế Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác và Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chống thư rác                                                                                                                                      | Quý IV/2019     | Chính phủ                     | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 185                                                                                                                                         | Quyết định thay thế Quyết định số 16/2012/QĐ-TTg ngày 08/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng Tần số vô tuyến điện                                                                                                                                                                                                                                   | Tháng 12/2019   | Thủ tướng Chính phủ           | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 186                                                                                                                                         | Đề án về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tháng 4/2019    | Thủ tướng Chính phủ           | Thanh tra Chính phủ          |